TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-11-2018.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Hoa.

Ông Nguyễn Văn Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm: 1984 "có mặt".

Cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm: 1978 "có mặt".

Cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Thanh L tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 04/11/2007 ÂL, nhưng đến ngày 22/01/2008 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị

T và anh L sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có 01 người con chung tên Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2008, hiện nay cháu M đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có tài sản chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận chia xong, nên chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L không có nợ chung, nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Huỳnh Thanh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 04/11/2007 ÂL, nhưng đến ngày 22/01/2008 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn anh L và chị T chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh L và chị T sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, anh L không thống nhất ly hôn với chị T, vì anh còn thương chị T và thương con.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị T có 01 người con chung tên Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2008, hiện nay cháu M đang sống chung với chị T. Anh L thống nhất cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, anh L sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị T có tài sản chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận chia xong, nên anh L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh L và chị T không có nợ chung, nên anh L không yêu cầu giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T. Về hôn nhân: xử cho chị T được ly hôn với anh L; về con chung: giao cháu Huỳnh Cẩm M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2018 của chị Lê Thị Cẩm T thì chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Huỳnh Thanh L tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên chị T và anh L chung sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T và anh L không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị T và anh L không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn, anh L không thống nhất ly hôn.

Xét thấy: Hiện nay hôn nhân của chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh L cho rằng anh còn thương chị T và thương con, anh không thống nhất ly hôn, nhưng từ khi sống ly thân cho đến nay, anh L không chủ động gặp chị T để bàn bạc về việc đoàn tụ, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên anh L và chị T không còn khả năng để đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh L, mà có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T. Vì vậy, xử cho chị T được ly hôn với anh L để giải phóng về mặt hôn nhân và nhằm tạo điều kiện cho mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị Cẩm T và anh Huỳnh Thanh L có 01 người con chung tên Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2008. Từ khi chị T và anh L sống ly thân cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Chị T và anh L cùng thỏa thuận cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu M thành niên; nguyện vọng của cháu M cũng muốn được tiếp tục sống chung với chị T.

Xét thấy: Việc chị T và anh L thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc thỏa thuận của chị T và anh L, xử giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên. Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Huỳnh Thanh L cùng xác định trong thời gian chung sống chị T và anh L có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận chia xong, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Huỳnh Thanh L cùng xác định trong thời gian chung sống chị T và anh L không có nợ chung, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Lê Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000546 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh Thanh L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2008 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên. Anh Huỳnh Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Huỳnh Thanh L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm T phải nộp phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000546 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh Thanh L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã An Thạnh 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.